

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ,
KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 524/QĐ-CDKTKTTS-CTHSSV
(V/v cấp học bổng khuyến khích học tập
năm học 2025-2026)

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp học bổng khuyến khích học tập
Kỳ I năm học 2025-2026 cho sinh viên các lớp hệ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 4368/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục “Quy định về cấp học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách và miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng cho học sinh, sinh viên”

Căn cứ kết quả điểm trung bình chung học tập, điểm rèn luyện của sinh viên học kỳ II năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2025-2026 cho sinh viên các lớp hệ cao đẳng (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian được cấp học bổng là 5 tháng từ ngày 01/08/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Công tác học sinh, sinh viên, Tài chính kế toán, Đào tạo, Giáo viên chủ nhiệm các lớp và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính kế toán;
- Các Khoa liên quan;
- Đưa Website Nhà trường;
- Lưu: CTHSSV, VT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Thị Hạnh

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025-2026

Trung cấp: Khóa 67

(Kèm theo quyết định số: 524/CDKTKTTS-CTHSSV ngày 17 tháng 11 năm 2025)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp
			Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại						
1	Lù Mí Mỹ	20/09/2009	3.44	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1,400,000	5	120%	8,400,000	245NTTS3
2	Sùng Mí Sừ	01/12/2009	3.31	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1,400,000	5	120%	8,400,000	245NTTS3
3	Vàng Mí Say	28/04/2009	3.00	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1,400,000	5	120%	8,400,000	245CNTY1
4	Vàng Mí Nô	01/03/2007	3.12	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1,400,000	5	120%	8,400,000	245CNTY1
5	Giàng Mí Chơ	17/03/2009	3.12	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1,400,000	5	120%	8,400,000	245CNTY1
6	Vừ Mí Lừ	23/11/2009	2.60	Khá	77	Khá	Khá	1,400,000	5	100%	7,000,000	245CBTS3
7	Thào Mí Na	01/08/2009	2.60	Khá	78	Khá	Khá	1,400,000	5	100%	7,000,000	245CBTS3
8	Vừ Mí Chơ	15/09/2009	3.00	Giỏi	85	Giỏi	Giỏi	1,360,000	5	120%	8,160,000	245KTDN2
9	Vừ Mí Sâu	26/09/2009	3.00	Giỏi	85	Giỏi	Giỏi	1,360,000	5	120%	8,160,000	245KTDN2
10	Hoàng Lâm Trường	10/06/2008	3.00	Giỏi	85	Giỏi	Giỏi	2,040,000	5	120%	12,240,000	245THUD2
11	Vừ Thị Giàng	20/11/2007	3.00	Giỏi	85	Giỏi	Giỏi	2,040,000	5	120%	12,240,000	245THUD3

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp
				Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại						
12	Ly Mí	Xay	21/06/2008	2.53	Khá	77	Khá	Khá	2,040,000	5	100%	10,200,000	245THUD3
13	Giàng A	Quang	13/10/2009	3.00	Giỏi	85	Giỏi	Giỏi	2,040,000	5	120%	12,240,000	245LRMT1
14	Giàng Mí	Say	06/03/2009	3.00	Giỏi	85	Giỏi	Giỏi	2,040,000	5	120%	12,240,000	245LRMT1
Tổng												131,480,000	

Ấn định có 14 học sinh, sinh viên

Viết bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TP.CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị An



ThS. Đỗ Văn Sơn

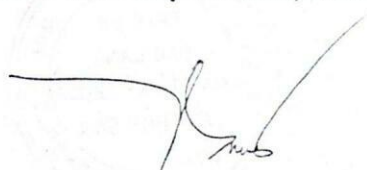


TS. Bùi Thị Hạnh

**BẢNG TỔNG HỢP CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP CHO HSSV
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Tên ngành	Chi theo ngành	Điểm sàn	Xếp loại	Số SV được cấp	Số tiền/tháng	Định mức hưởng	Số tháng hưởng	Tổng
1	Cao đẳng ngành Kế toán	60,520,000	3.50	Xuất sắc	1	1,360,000	130%	5	8,840,000
			3.0	Giỏi	3	1,360,000	120%	5	24,480,000
			3.0	Khá	4	1,360,000	100%	5	27,200,000
2	Trung cấp ngành Nuôi trồng thủy sản	16,800,000	3.31	Giỏi	2	1,400,000	120%	5	16,800,000
3	Trung cấp ngành Chăn nuôi thú y	25,200,000	3.00	Giỏi	3	1,400,000	120%	5	25,200,000
4	Trung cấp ngành Chế biến và BQTS	14,000,000	2.60	Khá	2	1,400,000	100%	5	14,000,000
5	Trung cấp ngành Kế toán doanh nghiệp	16,320,000	3.0	Giỏi	2	1,360,000	120%	5	16,320,000
6	Trung cấp ngành Tin học ứng dụng	34,680,000	3.0	Giỏi	2	2,040,000	120%	5	24,480,000
			2.53	Khá	1	2,040,000	100%	5	10,200,000
7	Trung cấp ngành Kỹ thuật SC và LRMT	24,480,000	3.0	Giỏi	2	2,040,000	120%	5	24,480,000
Tổng		192,000,000			22	Tổng			192,000,000

P. CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN



ThS. Đỗ Văn Sơn

P. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



ThS. Ngô Thị Bích Thủy

HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Thị Hạnh

DANH SÁCH CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

Ngành: Kế toán

(Kèm theo quyết định số: **524/CDKTKTTS-CTHSSV** ngày **17** tháng **11** năm 2025)

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC		Điểm rèn luyện		Xếp loại học bổng	Số tiền/ tháng	Số tháng	Định mức hưởng	Thành tiền	Lớp	Khóa
				Qui đổi	Xếp loại	Bảng số	Xếp loại							
1	Đỗ Thị	Hằng	14/09/2000	3.00	Giỏi	77	Khá	Khá	1,360,000	5	100%	6,800,000	236KTTH2	Khóa 17
2	Nguyễn Thị	Huyền	20/02/2005	3.00	Giỏi	77	Khá	Khá	1,360,000	5	100%	6,800,000	236KTTH2	Khóa 17
3	Thân Thị	Mừng	05/09/2005	3.27	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1,360,000	5	120%	8,160,000	236KTTH2	Khóa 17
4	Nguyễn Lan	Anh	08/06/2006	3.21	Giỏi	85	Giỏi	Giỏi	1,360,000	5	120%	8,160,000	246KTTH2	Khóa 18
5	Nguyễn Tiến	Đạt	08/06/2006	2.57	Khá	77	Khá	Khá	1,360,000	5	100%	6,800,000	246KTTH2	Khóa 18
6	Nguyễn Ngọc	Hà	10/09/2006	2.79	Khá	77	Khá	Khá	1,360,000	5	100%	6,800,000	246KTTH2	Khóa 18
7	Dương Thanh	Thùy	05/01/2006	3.29	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	1,360,000	5	120%	8,160,000	246KTTH2	Khóa 18
8	Nguyễn Thị	Tuyền	16/12/1992	3.50	Xuất sắc	85	Tốt	Xuất sắc	1,360,000	5	130%	8,840,000	246KTTH2	Khóa 18
Tổng												60,520,000		

Ấn định có 08 học sinh, sinh viên

Viết bằng chữ: Sáu mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TP.CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị An

ThS. Đỗ Văn Sơn

TS. Bùi Thị Hạnh

